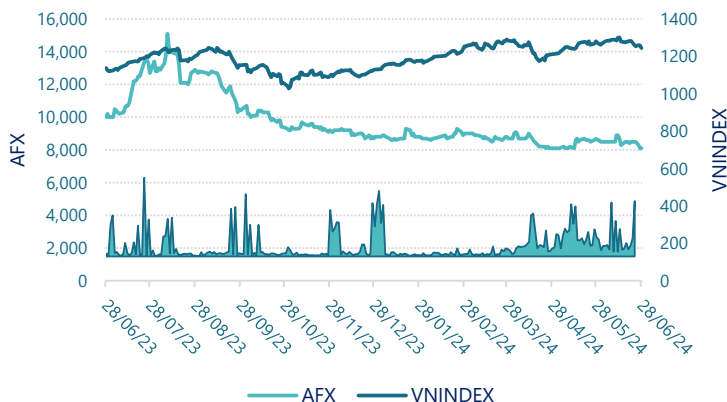




CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (UPCOM: AFX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	402,255
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	284
P/E	9.6
EPS	843

DT thuần

Q2/24

609

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 212 | 53.5%

YoY: ▲ 22.0 | 3.8%

LN sau thuế

Q2/24

8.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.66 | 113%

YoY: ▲ 3.56 | 68.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

3.4%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

6T 2024

1,006

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0 | 9.2%

LN sau thuế

6T 2024

12.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.99 | 30.0%

ROE

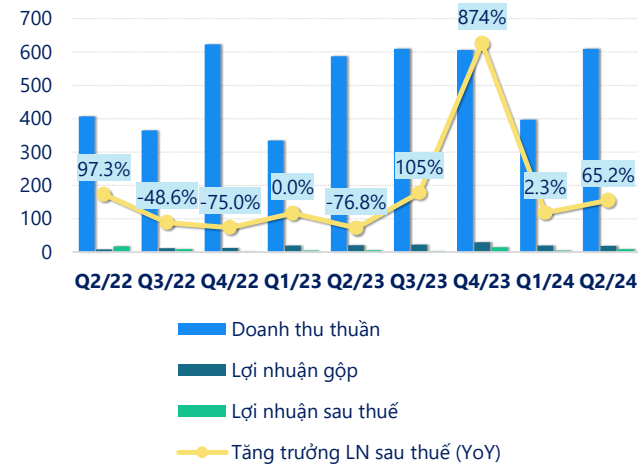
Q2/24

6.6%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

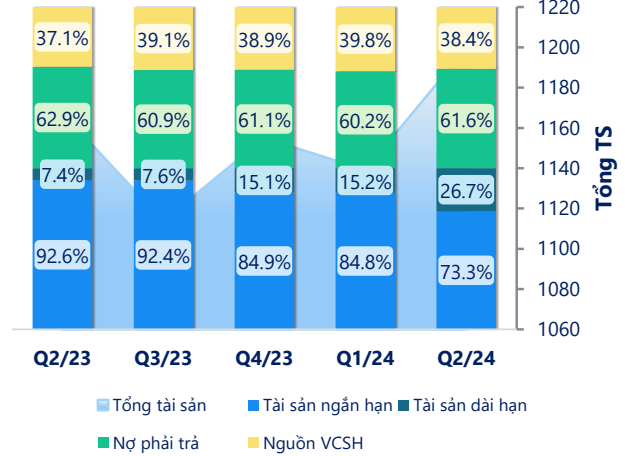
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

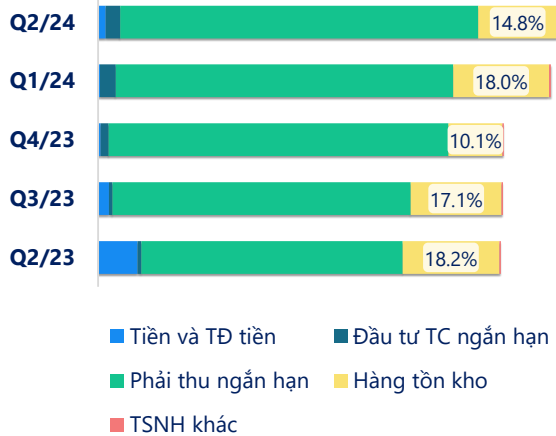
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



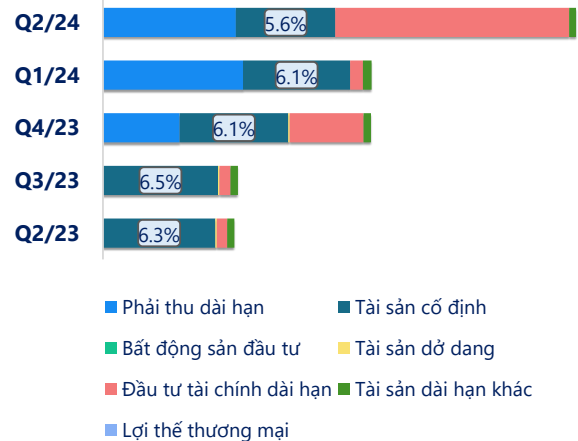
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

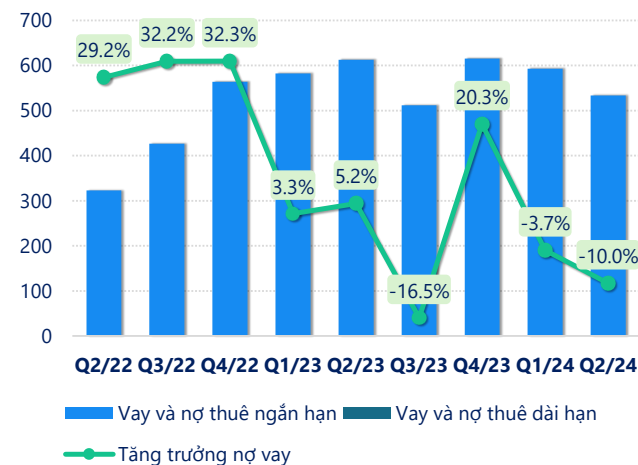
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

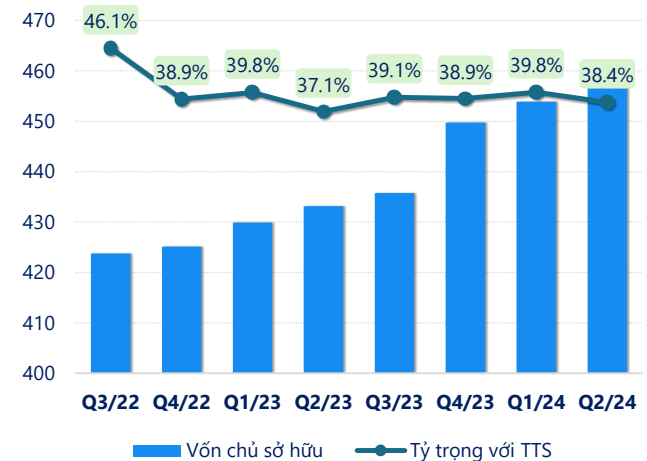
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

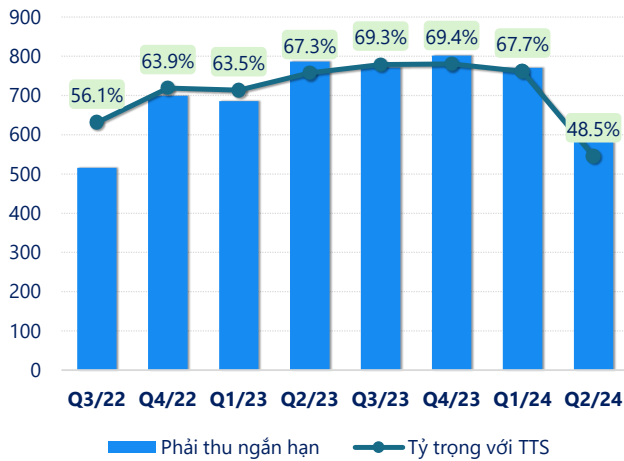
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



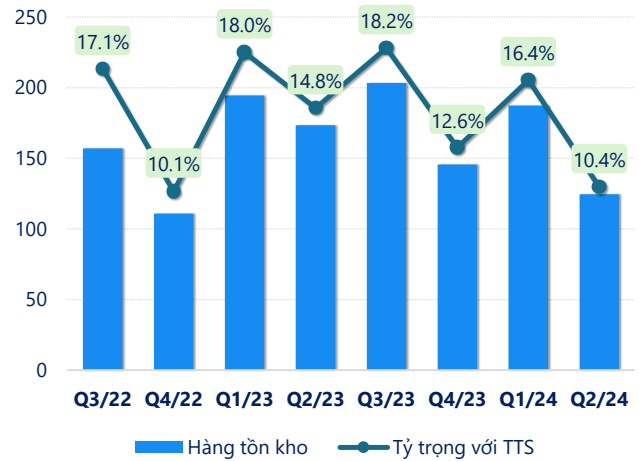
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


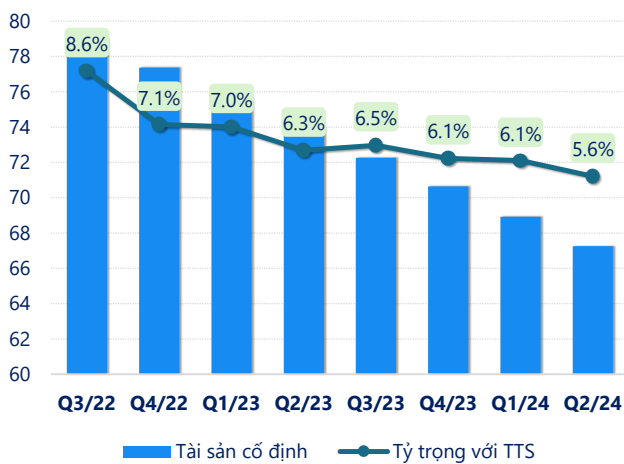
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


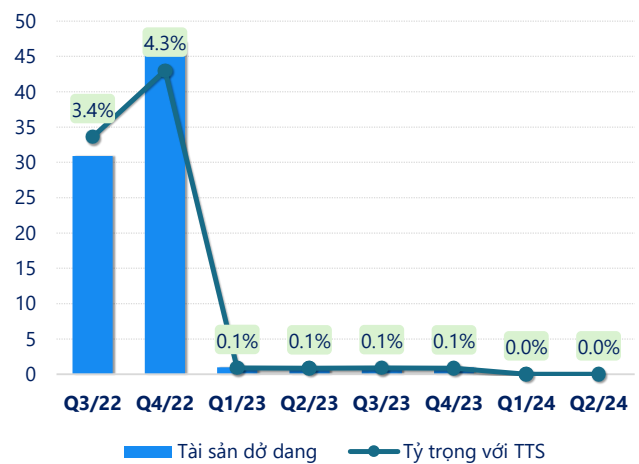
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

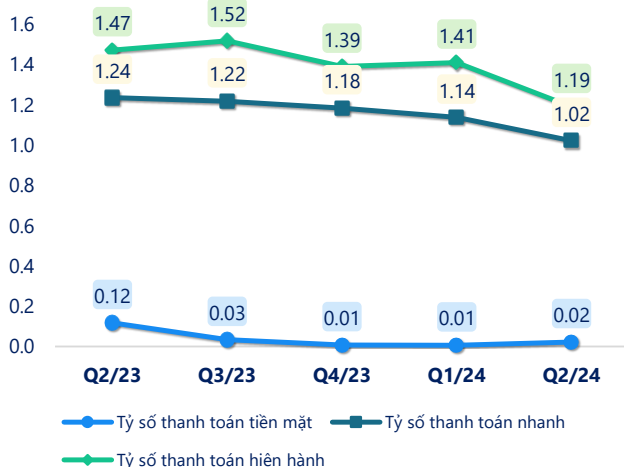
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

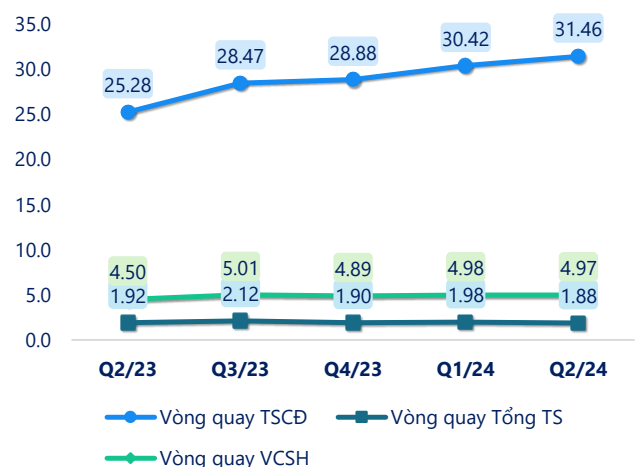
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	1,167	1,114	1,155	1,139	1,200
Tài sản ngắn hạn	1,081	1,029	980	966	879
Tiền và tương đương tiền	86.3	22.8	5.21	4.11	16.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.2	27.6	25.4	1.33	152
Phải thu ngắn hạn	786	771	801	771	582
Hàng tồn kho	173	203	146	187	124
Tài sản ngắn hạn khác	2.91	4.00	2.82	2.86	4.88
Tài sản dài hạn	86.6	84.7	175	173	320
Phải thu dài hạn	0	0	50.0	90.0	90.0
Tài sản cố định	74.0	72.3	70.6	68.9	67.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.99	0.98	0.98	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.90	6.90	48.2	8.21	158
Tài sản dài hạn khác	4.69	4.60	4.79	5.55	4.75
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	734	678	705	685	739
Nợ ngắn hạn	734	678	705	685	738
Vay và nợ thuê ngắn hạn	613	512	616	593	534
Phải trả người bán ngắn hạn	101	136	64.5	76.2	128
Nợ dài hạn	0.39	0.39	0.39	0.39	0.39
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	433	436	450	454	461
Vốn chủ sở hữu	433	436	450	454	461
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)